

ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 - MÔN SINH												
STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
1	Nguyễn Tuấn	Anh	12A 1	A1	120037	114	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
2	Lê Thị Vi	Anh	12A 1	A1	120039	424	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
3	Trần Đình	Cang	12A 1	A2	120063	293	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
4	Trần Minh	Đạt	12A 1	A3	120110	293	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
5	Đặng Quang	Đạt	12A 1	A3	120112	424	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
6	Trần Đình	Duy	12A 1	A3	120090	114	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
7	Phan Vũ	Duy	12A 1	A3	120094	424	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
8	Nguyễn Thị Khánh	Hà	12A 1	A4	120141	293	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
9	Nguyễn Lê Hoàng	Hảo	12A 1	A5	120163	293	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
10	Đỗ Minh	Hiếu	12A 1	A6	120204	114	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
11	Bùi Quốc	Huy	12A 1	A7	120241	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
12	Hồ Nhật	Kha	12A 1	A8	120281	114	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
13	Trần Châu Duy	Khang	12A 1	A8	120285	293	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
14	Đỗ Thị Minh	Khánh	12A 1	A8	120310	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
15	Phan Vũ Anh	Khôi	12A 1	A9	120334	424	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
16	Phạm Trần Anh	Khôi	12A 1	A9	120333	388	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
17	Nguyễn Hồng	Lạc	12A 1	A10	120350	388	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
18	Vũ Thị Thùy	Linh	12A 1	A10	120376	424	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
19	Tạ Hoàng Yến	Minh	12A 1	A11	120399	114	9.50	40	38.00	2.00	0.00	0.00
20	Trịnh Đình	Nam	12A 1	A11	120410	388	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
21	Huỳnh Thị Trúc	Ngân	12A 1	A12	120430	114	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
22	Nguyễn Thành	Nhân	12A 1	A13	120487	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
23	Lê Vương Nguyệt	Nhi	12A 1	A14	120500	114	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
24	Nguyễn Ngọc Ý	Như	12A 1	A14	120528	114	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
25	Trương Gia	Phong	12A 1	A14	120533	424	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
26	Nguyễn Thiên	Phú	12A 1	A15	120540	293	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
27	Vũ Lê Trung	Quân	12A 1	A16	120581	388	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
28	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	12A 1	A16	120598	388	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
29	Nguyễn Trần Sơ	Ri	12A 1	A16	120605	424	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
30	Trần Xuân	Sang	12A 1	A16	120609	424	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
31	Trần Ngọc Diễm	Sương	12A 1	A16	120615	388	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
32	Tăng Hiếu	Thảo	12A 1	C2	120683	293	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
33	Nguyễn Minh	Thiên	12A 1	C3	120707	388	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
34	Đồng Kim Diệu	Thiện	12A 1	C3	120712	388	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
35	Nguyễn Huỳnh Bảo	Thy	12A 1	C4	120775	388	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
36	Trần Ngọc Quỳnh	Tiên	12A 1	C1	120631	424	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
37	Nguyễn Thành	Tín	12A 1	C1	120640	424	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
38	Quảng Thị Thùy	Trang	12A 1	C5	120788	388	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
39	Nguyễn Minh	Trí	12A 1	C6	120823	293	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
40	Hồ Hải	Triều	12A 1	C6	120828	388	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
41	Nguyễn Chí	Trung	12A 1	C7	120852	388	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
42	Thái Đức Bảo	Vy	12A 1	C8	120907	114	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
43	Trần Lê	Vy	12A 1	C8	120922	424	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
44	Nguyễn Ngọc Như	Ý	12A 1	C9	120939	293	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
45	Đặng Trần Huyền	Châu	12A 2	A2	120066	114	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
46	Phạm Hải	Đăng	12A 2	A4	120119	293	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
47	Nguyễn Thành	Đạt	12A 2	A3	120116	424	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
48	Đỗ Thị Bích	Giang	12A 2	A4	120134	114	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
49	Nguyễn Ngọc	Hân	12A 2	A5	120183	114	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
50	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12A 2	A5	120156	114	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
51	Đặng Thị Nhân	Hậu	12A 2	A6	120192	114	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
52	Đào Thị Duy	Hiếu	12A 2	A6	120203	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
53	Nguyễn Xuân	Hiếu	12A 2	A6	120210	114	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
54	Nguyễn Viết	Hoàng	12A 2	A6	120220	293	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
55	Lê	Huân	12A 2	A6	120225	293	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
56	Nguyễn Đắc Khoa	Huân	12A 2	A6	120224	293	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
57	Nguyễn Nhật	Hưng	12A 2	A7	120262	293	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
58	Võ Hoàng	Khang	12A 2	A8	120289	388	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
59	Võ Huy	Khang	12A 2	A8	120290	293	7.25	40	29.00	10.00	0.00	1.00
60	Trần Tiến	Khanh	12A 2	A8	120304	388	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
61	Phạm Nhật	Khánh	12A 2	A9	120315	424	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
62	Phạm Đăng	Khoa	12A 2	A9	120323	293	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
63	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	12A 2	A8	120275	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
64	Vũ Thị Khánh	Linh	12A 2	A10	120371	114	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
65	Nguyễn Bảo	Long	12A 2	A10	120382	424	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
66	Võ Bạch Quang	Minh	12A 2	A11	120394	293	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
67	Trần Phương	Nghi	12A 2	A12	120436	293	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
68	Lê Thùy Bích	Ngọc	12A 2	A12	120446	388	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
69	Chế Thị Thanh	Nguyên	12A 2	A13	120473	424	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
70	Phan Nguyễn Bảo	Phúc	12A 2	A15	120544	424	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
71	Phan Nguyễn Hoàng	Quân	12A 2	A15	120575	424	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
72	Đinh Nguyễn Bảo	Thạch	12A 2	C2	120669	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
73	Nguyễn Huy	Thanh	12A 2	C2	120673	424	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
74	Tạ Ngọc Thanh	Thảo	12A 2	C2	120688	293	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
75	Nguyễn Thị Minh	Thi	12A 2	C3	120705	293	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
76	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	12A 2	C4	120770	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
77	Phạm Thị Thanh	Thúy	12A 2	C4	120746	424	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
78	Trương Thị Ngọc	Trâm	12A 2	C5	120806	388	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
79	Nguyễn Mai	Trâm	12A 2	C5	120803	424	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
80	Võ Thị Huyền	Trâm	12A 2	C5	120802	388	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
81	Nguyễn Minh	Triết	12A 2	C6	120826	114	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
82	Đặng Minh	Triết	12A 2	C6	120825	424	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
83	Bùi Nguyễn Quốc	Trọng	12A 2	C6	120844	424	9.50	40	38.00	2.00	0.00	0.00
84	Hà Trương Anh	Tú	12A 2	C1	120645	424	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
85	Lê Thanh	Vũ	12A 2	C8	120902	388	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
86	Võ Ngọc Như	Ý	12A 2	C9	120940	388	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
87	Phan Ngô Quốc	An	12A 3	A1	120009	388	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
88	Đào Lê Phúc	Ân	12A 3	A2	120044	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
89	Huỳnh Ngô Bảo	Châu	12A 3	A2	120064	388	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
90	Lê Tấn	Đạt	12A 3	A3	120114	293	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
91	Trần Minh	Hậu	12A 3	A5	120190	424	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
92	Nguyễn Đỗ Nhật	Huy	12A 3	A7	120238	293	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
93	Trần Đăng	Khoa	12A 3	A9	120324	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
94	Đinh Quốc	Khôi	12A 3	A10	120346	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
95	Trần Anh	Khôi	12A 3	A9	120335	114	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
96	Nguyễn Hoàn	Kim	12A 3	A8	120278	388	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
97	Ngô Hoàng Anh	Linh	12A 3	A10	120362	424	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
98	Nguyễn Hoài Bảo	Minh	12A 3	A11	120390	424	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
99	Mai Thị Tuyết	Nga	12A 3	A11	120413	424	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
100	Phạm Phương	Nghi	12A 3	A12	120437	114	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
101	Nguyễn Đặng Trinh	Nguyên	12A 3	A13	120478	293	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
102	Nguyễn Phạm Song	Nguyên	12A 3	A13	120471	293	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
103	Võ Hiền	Nhi	12A 3	A13	120493	114	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
104	Nguyễn Thụy Ngọc	Nhi	12A 3	A14	120498	114	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
105	Thái Ý	Nhi	12A 3	A14	120504	114	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
106	Nguyễn Thùy	Như	12A 3	A14	120527	293	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
107	Huỳnh Bá	Phước	12A 3	A15	120555	424	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
108	Trần Thanh	Quân	12A 3	A16	120580	424	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
109	Hồ Xuân	Quỳnh	12A 3	A16	120603	388	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
110	Nguyễn Tấn	Sang	12A 3	A16	120607	293	9.50	40	38.00	2.00	0.00	0.00
111	Vũ Hoàng	Son	12A 3	A16	120612	114	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
112	Nguyễn Huyền Thanh	Tâm	12A 3	C1	120621	114	6.25	40	25.00	14.00	0.00	1.00
113	Hồ Công	Thắng	12A 3	C2	120696	388	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
114	Trần Quốc	Thành	12A 3	C2	120679	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
115	Lê Thanh	Thảo	12A 3	C2	120689	388	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
116	Lê Nguyễn Xuân	Thịnh	12A 3	C3	120729	424	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
117	Lâm Minh	Thư	12A 3	C4	120757	114	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
118	Võ Huỳnh Lộc	Thuận	12A 3	C3	120735	114	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
119	Đỗ Lê Thông	Thuật	12A 3	C3	120738	424	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
120	Trần Nguyễn Thanh	Thủy	12A 3	C4	120743	388	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
121	Võ Huỳnh Hoàng	Trân	12A 3	C5	120816	424	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
122	Võ Hoàng Quế	Trân	12A 3	C6	120822	114	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
123	Nguyễn Đình Quế	Trân	12A 3	C6	120821	424	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
124	Lê Thị Thùy	Trang	12A 3	C5	120790	424	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
125	Phan Thùy	Trang	12A 3	C5	120789	424	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
126	Mai Thị Thanh	Trúc	12A 3	C6	120848	293	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
127	Nguyễn Huỳnh Kiều	Vi	12A 3	C8	120891	424	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
128	Trần Anh	Vũ	12A 3	C8	120898	114	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
129	Phan Hoài	An	12A 4	A1	120004	293	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
130	Lê Ngô Minh	Anh	12A 4	A1	120024	424	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
131	Nguyễn Việt	Bách	12A 4	A2	120045	293	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
132	Nguyễn Thành	Danh	12A 4	A2	120073	293	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
133	Phạm Quốc	Đạt	12A 4	A3	120113	114	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
134	Trần Nguyên Huyền	Diệu	12A 4	A3	120079	293	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
135	Võ Minh	Đức	12A 4	A4	120130	114	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
136	Nguyễn Thị Kim	Hiển	12A 4	A6	120202	424	9.50	40	38.00	2.00	0.00	0.00
137	Nguyễn Xuân	Hoài	12A 4	A6	120219	388	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
138	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	12A 4	A6	120222	388	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
139	Phạm Việt	Huy	12A 4	A7	120249	114	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
140	Nguyễn Thị Ngọc	Huỳnh	12A 4	A7	120257	424	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
141	Nguyễn Gia	Khang	12A 4	A8	120287	114	6.00	40	24.00	15.00	0.00	1.00
142	Nguyễn Hoài Phương	Khanh	12A 4	A8	120302	424	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
143	Huỳnh Nguyên	Khánh	12A 4	A9	120313	293	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
144	Lê Anh	Khôi	12A 4	A9	120336	293	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
145	Lê Nguyễn Trung	Kiên	12A 4	A8	120272	388	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
146	Đặng Nhật Khánh	Linh	12A 4	A10	120372	293	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
147	Huỳnh Châu Khánh	Ngọc	12A 4	A12	120450	114	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
148	Lê Võ Khánh	Ngọc	12A 4	A12	120451	424	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
149	Nguyễn Thị YẾN	Nhi	12A 4	A14	120506	424	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
150	Nguyễn Lâm Bảo	Như	12A 4	A14	120516	293	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
151	Nguyễn Thanh	Như	12A 4	A14	120526	388	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
152	Nguyễn Hoàng	Phúc	12A 4	A15	120548	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
153	Huỳnh Hoàng	Phúc	12A 4	A15	120547	293	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
154	Hồ Thị Tuyết	Phương	12A 4	A15	120566	293	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
155	Võ Thị Thu	Phương	12A 4	A15	120567	388	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
156	Trương Nguyễn Việt	Quang	12A 4	A15	120571	293	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
157	Ngô Văn	Quyền	12A 4	A16	120592	293	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
158	Lê Văn	Thanh	12A 4	C2	120676	293	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
159	Nguyễn Ngọc	Thành	12A 4	C2	120677	388	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
160	Nguyễn Hữu	Thiện	12A 4	C3	120713	293	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
161	Nguyễn Ngọc	Thịnh	12A 4	C3	120723	114	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
162	Nguyễn Thị Mai	Thơ	12A 4	C3	120731	424	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
163	Nguyễn Khánh	Tiên	12A 4	C1	120629	114	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
164	Nguyễn Thị Hương	Trà	12A 4	C5	120780	388	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
165	Lê Trần Thùy	Trang	12A 4	C5	120791	388	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
166	Nguyễn Thủy	Trang	12A 4	C5	120787	293	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
167	Trần Nguyễn Thanh	Trúc	12A 4	C6	120849	388	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
168	Nguyễn Ngọc Anh	Tú	12A 4	C1	120646	388	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
169	Nguyễn Trần Khánh	Uy	12A 4	C7	120864	388	6.25	40	25.00	14.00	0.00	1.00
170	Bạch Thiên	Vũ	12A 4	C8	120903	424	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
171	Nguyễn Trương Bích	Vy	12A 4	C8	120910	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
172	Bùi Ngọc Phương	Anh	12A 5	A1	120029	114	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
173	Nguyễn Phúc	Ánh	12A 5	A1	120042	293	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
174	Hoàng Trung	Chính	12A 5	A2	120070	388	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
175	Nguyễn Hải	Đặng	12A 5	A4	120120	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
176	Lê Thành	Đạt	12A 5	A4	120117	114	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
177	Văn Tấn	Dũng	12A 5	A3	120088	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
178	Trần Thị Khánh	Duyên	12A 5	A3	120097	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
179	Phạm Thị Quỳnh	Giao	12A 5	A4	120137	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
180	Thái Trần Gia	Hân	12A 5	A5	120172	114	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
181	Phạm Thị Thanh	Hoa	12A 5	A6	120213	424	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
182	Lê Ngọc Quỳnh	Hương	12A 5	A7	120266	114	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
183	Trương Công Lâm	Huy	12A 5	A7	120236	114	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
184	Võ Triều	Huy	12A 5	A7	120248	424	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
185	Lê Vy	Khanh	12A 5	A8	120305	293	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
186	Nguyễn	Khánh	12A 5	A9	120314	388	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
187	Phạm Lê Quốc	Khánh	12A 5	A9	120318	388	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
188	Hồ Minh	Khoa	12A 5	A9	120329	388	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
189	Nguyễn Hoàng Bảo	Khuyên	12A 5	A10	120348	293	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
190	Nguyễn Tuấn	Kiệt	12A 5	A8	120273	293	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
191	Huỳnh Ánh	Linh	12A 5	A10	120363	114	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
192	Hoàng Văn	Minh	12A 5	A11	120396	424	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
193	Hoàng Thị Hoa	Mỹ	12A 5	A11	120407	424	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
194	Phạm Nguyễn Huy	Nam	12A 5	A11	120411	293	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
195	Nguyễn Đồng Minh	Ngân	12A 5	A11	120421	293	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
196	Nguyễn Hoàng Anh	Nguyên	12A 5	A13	120462	388	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
197	Trần Nguyễn Quỳnh	Nhi	12A 5	A14	120501	424	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
198	Nguyễn Tấn	Sang	12A 5	A16	120608	114	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
199	Trương Tấn	Thành	12A 5	C2	120680	114	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
200	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	12A 5	C2	120685	424	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
201	Thái Hữu	Thiện	12A 5	C3	120714	388	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
202	Nguyễn Minh	Thư	12A 5	C4	120758	293	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
203	Đỗ Đình	Thuận	12A 5	C3	120734	424	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
204	Trần Thị Thanh	Thương	12A 5	C4	120772	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
205	Trần Thị Thanh	Thùy	12A 5	C4	120740	293	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
206	Nguyễn Thị Thanh	Trà	12A 5	C5	120781	293	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
207	Thái Ngô Thanh	Trúc	12A 5	C6	120850	424	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
208	Hồ Nhật	Trường	12A 5	C7	120859	293	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
209	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	12A 5	C1	120648	293	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
210	Trương Thanh	Văn	12A 5	C7	120885	424	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
211	Dương Huỳnh Anh	Vũ	12A 5	C8	120899	114	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
212	Châu Tường	Vy	12A 5	C8	120925	293	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
213	Nguyễn Đăng Hà	Yên	12A 5	C9	120949	424	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
214	Cao Lan	Anh	12A 6	A1	120021	114	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
215	Hà Bảo	Bảo	12A 6	A2	120047	424	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
216	Lê Thị Kiều	Bảo	12A 6	A2	120050	293	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
217	Trần Vi Linh	Đan	12A 6	A3	120105	293	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
218	Nguyễn Huỳnh Thùy	Duyên	12A 6	A3	120100	388	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
219	Trần Thùy Ngọc	Hà	12A 6	A4	120146	424	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
220	Huỳnh Bảo	Hân	12A 6	A5	120168	293	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
221	Lê Thị Bích	Hạnh	12A 6	A5	120155	424	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
222	Đặng Minh	Hiếu	12A 6	A6	120205	424	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
223	Vũ Đào Diễm	Hương	12A 6	A7	120265	424	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
224	Lại Nhật	Huy	12A 6	A7	120239	388	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
225	Võ Trần Bảo	Khang	12A 6	A8	120283	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
226	Phan Đăng	Khoa	12A 6	A9	120325	424	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
227	Phan Anh	Khôi	12A 6	A9	120337	388	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
228	Trần Anh	Kỳ	12A 6	A8	120280	293	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
229	Đặng Phương	Loan	12A 6	A10	120380	293	3.50	40	14.00	24.00	0.00	2.00
230	Đỗ Kim Phương	My	12A 6	A11	120402	388	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
231	Lê Thanh	Ngọc	12A 6	A12	120457	293	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
232	Nguyễn Cao	Nguyên	12A 6	A13	120463	293	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
233	Đoàn Mỹ	Nhân	12A 6	A13	120486	293	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
234	Trịnh Yến	Nhi	12A 6	A14	120507	388	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
235	Đỗ Thị Quỳnh	Như	12A 6	A14	120521	293	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
236	Phan Thùy Yến	Như	12A 6	A14	120530	114	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
237	Hồ Quốc	Phong	12A 6	A14	120535	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
238	Tạ Dương Minh	Quân	12A 6	A16	120576	293	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
239	Nguyễn Như	Quỳnh	12A 6	A16	120599	114	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
240	Nguyễn Thanh	Tâm	12A 6	C1	120622	424	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
241	Lê Hồ Thiên	Thảo	12A 6	C2	120695	293	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
242	Nguyễn Ngọc	Thiện	12A 6	C3	120716	388	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
243	Trương Ngọc	Thiện	12A 6	C3	120715	293	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
244	Đặng Ngọc	Thuần	12A 6	C3	120733	114	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
245	Trần Thị Thanh	Thủy	12A 6	C4	120744	293	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
246	Phạm Thanh	Tiến	12A 6	C1	120636	293	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
247	Hồ Bảo	Trình	12A 6	C6	120830	424	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
248	Nguyễn Tuấn	Tú	12A 6	C1	120649	114	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
249	Võ Đặng Thanh	Tùng	12A 6	C2	120657	114	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
250	Nguyễn Thanh	Uyên	12A 6	C7	120881	293	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
251	Nguyễn Quốc	Vương	12A 6	C8	120906	293	6.75	40	27.00	12.00	0.00	1.00
252	Lê Trần Khánh	Vy	12A 6	C8	120917	424	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
253	Trương Hạ	Vy	12A 6	C8	120915	388	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
254	Trần Nhật	Anh	12A 7	A1	120027	388	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
255	Dương Phước	Bảo	12A 7	A2	120054	293	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
256	Nguyễn Hồng Ngọc	Bích	12A 7	A2	120057	388	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
257	Mạch Hải	Đặng	12A 7	A4	120121	424	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
258	Nguyễn Thị Ngọc	Đoan	12A 7	A4	120129	424	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
259	Đinh Phan Quốc	Doanh	12A 7	A3	120082	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
260	Phạm Ngọc	Giàu	12A 7	A4	120138	424	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
261	Lê Ngọc Thanh	Hà	12A 7	A4	120147	114	5.25	40	21.00	17.00	0.00	2.00
262	Nguyễn Thị Thanh	Hà	12A 7	A4	120148	293	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
263	Đoàn Ngọc	Hân	12A 7	A5	120184	293	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
264	Nguyễn Hà Gia	Hân	12A 7	A5	120173	293	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
265	Trần Bảo	Hân	12A 7	A5	120169	388	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
266	Nguyễn Thanh	Hiệu	12A 7	A6	120211	424	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
267	Đoàn Thị Bích	Hòa	12A 7	A6	120214	114	4.75	40	19.00	20.00	0.00	1.00
268	Trương Việt	Khang	12A 7	A8	120298	293	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
269	Bùi Nhật Phương	Khánh	12A 7	A9	120317	293	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
270	Đỗ Anh	Khoa	12A 7	A9	120322	114	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
271	Hoàng Minh	Khoa	12A 7	A9	120330	424	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
272	Lê Đình	Khôi	12A 7	A10	120342	293	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
273	Hoàng Ngọc Khánh	Linh	12A 7	A10	120373	388	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
274	Nguyễn Tuấn	Minh	12A 7	A11	120395	114	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
275	Nguyễn Thị Kiều	My	12A 7	A11	120401	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
276	Trần Gia	Nghi	12A 7	A12	120434	388	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
277	Diệp Trí	Nghĩa	12A 7	A12	120442	293	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
278	Nguyễn Ngân	Nhi	12A 7	A13	120497	114	3.50	40	14.00	26.00	0.00	0.00
279	Hoàng Thanh	Phong	12A 7	A14	120536	424	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
280	Nguyễn Lê Hồng	Phúc	12A 7	A15	120550	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
281	Võ Minh	Phước	12A 7	A15	120558	388	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
282	Nguyễn Anh	Quân	12A 7	A15	120572	388	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
283	Phan Thanh	Quyền	12A 7	A16	120590	424	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
284	Nguyễn Hữu	Tài	12A 7	A16	120617	424	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
285	Huỳnh Văn	Thâu	12A 7	C3	120699	388	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
286	Ngô Văn	Thịnh	12A 7	C3	120728	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
287	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư	12A 7	C4	120766	424	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
288	Trần Thị Thanh	Thư	12A 7	C4	120765	293	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
289	Đỗ Nguyễn Anh	Tiên	12A 7	C1	120624	293	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
290	Đỗ Linh Bảo	Trân	12A 7	C5	120813	114	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
291	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	12A 7	C6	120834	388	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
292	Đinh Gia	Uy	12A 7	C7	120863	424	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
293	Ngô Thanh	Uyên	12A 7	C7	120882	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
294	Nguyễn Phúc	Vương	12A 7	C8	120905	388	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
295	Lê Huỳnh Trúc	Vy	12A 7	C8	120933	424	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
296	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	12A 7	C8	120924	388	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
297	Nguyễn Hoàng Như	Ý	12A 7	C9	120941	424	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
298	Nguyễn Hải	Anh	12A 8	A1	120015	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
299	Nguyễn Huỳnh Như	Anh	12A 8	A1	120028	293	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
300	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	12A 8	A2	120048	114	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
301	Thổ Huỳnh	Chi	12A 8	A2	120068	293	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
302	Lê Minh	Đức	12A 8	A4	120131	293	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
303	Nguyễn Khắc	Duy	12A 8	A3	120092	388	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
304	Trần Ngọc	Hóa	12A 8	A6	120217	293	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
305	Trần Thị Thanh	Hoài	12A 8	A6	120218	388	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
306	Phạm Đăng	Huy	12A 8	A6	120227	388	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
307	Trần Thiện Tấn	Khang	12A 8	A8	120296	424	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
308	Châu Trần Minh	Khoa	12A 8	A9	120331	114	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
309	Hà Trần Đăng	Khoa	12A 8	A9	120326	114	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
310	Nguyễn Nhật Bảo	Kim	12A 8	A8	120277	424	3.50	40	14.00	26.00	0.00	0.00
311	Hà Tấn	Lâm	12A 8	A10	120357	293	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
312	Phùng Lê Kha	Ly	12A 8	A11	120387	114	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
313	Đặng Yên Bảo	Ngân	12A 8	A11	120415	388	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
314	Trương Xuân	Nghi	12A 8	A12	120440	388	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
315	Trần Lê Thanh	Ngọc	12A 8	A12	120458	114	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
316	Nguyễn Lâm Tuyết	Ngọc	12A 8	A12	120456	388	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
317	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	12A 8	A13	120474	388	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
318	Nguyễn Lê Hoài	Phúc	12A 8	A15	120546	114	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
319	Võ Hữu Minh	Quân	12A 8	A16	120577	114	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
320	Đoàn Diễm	Quỳnh	12A 8	A16	120593	114	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
321	Đoàn Trung	Tài	12A 8	C1	120618	424	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
322	Nguyễn Minh	Tánh	12A 8	C1	120619	388	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
323	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12A 8	C2	120690	424	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
324	Nguyễn Đồng Thanh	Thiên	12A 8	C3	120710	388	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
325	Trần Nhiêu	Thủy	12A 8	C4	120742	114	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
326	Nguyễn Kiều Đình	Tiến	12A 8	C1	120635	388	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
327	Hoàng Đức	Tín	12A 8	C1	120639	114	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
328	Nguyễn Phạm Mai	Trâm	12A 8	C5	120804	424	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
329	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	12A 8	C6	120817	114	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
330	Nguyễn Lâm Bảo	Trang	12A 8	C5	120783	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
331	Nguyễn Phạm Hồng	Trinh	12A 8	C6	120831	114	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
332	Lê Văn Khánh	Trinh	12A 8	C6	120833	293	7.75	40	31.00	8.00	0.00	1.00
333	Lê Quốc	Trung	12A 8	C7	120854	114	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
334	Phan Lê	Tuấn	12A 8	C1	120654	293	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
335	Nguyễn Nhật	Uyên	12A 8	C7	120867	114	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
336	Nguyễn Phạm Tổ	Uyên	12A 8	C7	120878	114	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
337	Trần Tuấn	Vũ	12A 8	C8	120901	293	3.25	40	13.00	27.00	0.00	0.00
338	Nguyễn Thiên	Vy	12A 8	C8	120932	388	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
339	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	12A 8	C8	120913	293	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
340	Lâm Tư	Vỹ	12A 8	C9	120937	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
341	Trần Hữu	An	12A 9	A1	120007	424	3.25	40	13.00	27.00	0.00	0.00
342	Trần Ngọc Tú	Anh	12A 9	A1	120036	293	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
343	Hoàng	Ánh	12A 9	A1	120040	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
344	Trác Vũ Việt	Bách	12A 9	A2	120046	388	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
345	Nguyễn Ngọc	Biên	12A 9	A2	120058	424	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
346	Đinh Nguyễn Phú	Bình	12A 9	A2	120062	114	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
347	Trần Đỗ Phát	Đạt	12A 9	A3	120111	388	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
348	Phạm Văn	Đức	12A 9	A4	120132	388	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
349	Xà Quế	Dương	12A 9	A3	120103	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
350	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Giang	12A 9	A4	120135	293	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
351	Nguyễn Huỳnh Khánh	Hà	12A 9	A4	120142	388	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
352	Lý Kiến	Hào	12A 9	A5	120162	114	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
353	Trần Văn	Hiếu	12A 9	A6	120209	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
354	Phạm Lưu Như	Hợp	12A 9	A6	120223	388	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
355	Mai Phương	Hung	12A 9	A7	120263	388	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
356	Lê Gia	Huy	12A 9	A6	120228	293	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
357	Huỳnh Khánh	Huy	12A 9	A7	120234	424	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
358	Lê Nguyên	Khang	12A 9	A8	120292	114	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
359	Võ Nam	Khoa	12A 9	A9	120332	293	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
360	Phan Nhật	Khôi	12A 9	A10	120345	388	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
361	Nguyễn Ngọc Yên	Khuê	12A 9	A10	120347	114	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
362	Lê Quang	Kiên	12A 9	A8	120271	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
363	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	12A 9	A10	120377	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
364	Huỳnh Bá	Long	12A 9	A10	120381	388	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
365	Nguyễn Phương	Nam	12A 9	A11	120412	114	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
366	Lê Châu Thái	Nguyên	12A 9	A13	120472	114	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
367	Nguyễn Thị Ngọc	Như	12A 9	A14	120520	388	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
368	Nguyễn Hoàng Ý	Như	12A 9	A14	120529	424	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
369	Lý Gia	Quyên	12A 9	A16	120587	388	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
370	Nguyễn Quý	Son	12A 9	A16	120614	293	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
371	Dương Thị Mỹ	Tâm	12A 9	C1	120620	293	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
372	Phan Nguyễn Hồng	Thanh	12A 9	C2	120672	388	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
373	Nguyễn Thị Kim	Thảo	12A 9	C2	120684	388	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
374	Trần Nguyễn Thiên	Thiên	12A 9	C3	120711	293	7.00	40	28.00	11.00	0.00	1.00
375	Nguyễn Hồ Phước	Thiên	12A 9	C3	120709	293	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
376	Nguyễn Vũ Lâm	Thịnh	12A 9	C3	120721	424	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
377	Lê Nguyễn Thanh	Thùy	12A 9	C4	120741	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
378	Đỗ Trần Huyền	Trân	12A 9	C6	120818	293	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
379	Nguyễn Hùng	Trung	12A 9	C7	120853	293	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
380	Võ Trần Hạ	Uyên	12A 9	C7	120865	293	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
381	Nguyễn Lại Như	Ý	12A 9	C9	120942	114	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
382	Nguyễn Hữu	Ân	12A10	A1	120043	114	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
383	Ngô Hoàng Kim	Anh	12A10	A1	120019	388	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
384	Lương Ngọc Phương	Anh	12A10	A1	120030	424	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
385	Nguyễn Phúc	Bảo	12A10	A2	120053	114	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
386	Nguyễn Thị Ngọc	Đan	12A10	A3	120107	388	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
387	Đỗ Hà Hải	Đăng	12A10	A4	120122	114	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
388	Đặng Thiên	Đăng	12A10	A4	120126	293	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
389	Cao Ngọc Thùy	Duyên	12A10	A3	120101	424	2.50	40	10.00	30.00	0.00	0.00
390	Nguyễn Ngọc	Hải	12A10	A5	120152	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
391	Vũ Thị	Hằng	12A10	A5	120167	114	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
392	Lê Việt	Hoàng	12A10	A6	120221	293	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
393	Nguyễn Minh	Hung	12A10	A7	120260	114	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
394	Ngô Quỳnh	Hương	12A10	A7	120267	293	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
395	Nguyễn Gia	Huy	12A10	A7	120229	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
396	Nguyễn Xuân	Khang	12A10	A8	120300	114	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
397	Đinh Đăng	Khoa	12A10	A9	120327	293	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
398	Nguyễn Thị Thanh	Lam	12A10	A10	120354	114	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
399	Châu Thuyền	Lân	12A10	A10	120360	388	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
400	Hoàng Văn	Long	12A10	A11	120384	388	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
401	Huỳnh Nguyễn Thanh	Ngân	12A10	A12	120425	424	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
402	Vũ Thị Tinh	Ngọc	12A10	A12	120455	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
403	Nguyễn Thụy Bích	Ngọc	12A10	A12	120447	293	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
404	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	12A10	A13	120494	424	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
405	Phạm Vũ Yên	Nhi	12A10	A14	120508	293	3.25	40	13.00	27.00	0.00	0.00
406	Nguyễn Đức	Phú	12A10	A15	120537	114	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
407	Nguyễn Thiện	Phú	12A10	A15	120543	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
408	Biều Võ Thiên	Phụng	12A10	A15	120554	388	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
409	Huỳnh Ngọc Trúc	Quỳnh	12A10	A16	120601	293	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
410	Nguyễn Phạm Nguyên	Thảo	12A10	C2	120686	114	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
411	Phạm Lâm Ánh	Thơ	12A10	C3	120730	114	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
412	Võ Thùy Thanh	Thư	12A10	C4	120767	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
413	Võ Huỳnh Anh	Thư	12A10	C4	120748	388	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
414	Nguyễn Bảo Kha	Thy	12A10	C5	120777	424	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
415	Hoàng Yên	Trang	12A10	C5	120797	114	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
416	Huỳnh Văn	Trí	12A10	C6	120824	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
417	Nguyễn Quốc	Trung	12A10	C7	120855	424	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
418	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	12A10	C1	120651	424	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
419	Phạm Trần Ánh	Tuyết	12A10	C2	120663	388	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
420	Nguyễn Khánh	Vân	12A10	C7	120887	293	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
421	Nguyễn Hữu Hoàng	An	12A11	A1	120006	114	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
422	Lê Bảo	An	12A11	A1	120001	424	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
423	Vương Kiều	Anh	12A11	A1	120018	424	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
424	Dương Thị Kim	Anh	12A11	A1	120020	293	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
425	Nguyễn Hồ Quỳnh	Anh	12A11	A1	120032	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
426	Châu Ngọc	Bảo	12A11	A2	120051	388	5.00	40	20.00	19.00	0.00	1.00
427	Vũ Thành	Danh	12A11	A2	120075	424	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
428	Lê Thành	Danh	12A11	A2	120074	388	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
429	Huỳnh Thị Kim	Diễm	12A11	A3	120077	114	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
430	Trần Ái	Gấm	12A11	A4	120133	424	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
431	Dương Văn	Hải	12A11	A5	120153	293	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
432	Trương Văn	Hàn	12A11	A5	120154	388	6.00	40	24.00	15.00	0.00	1.00
433	Huỳnh Ngọc Phương	Hân	12A11	A5	120186	388	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
434	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12A11	A5	120157	293	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
435	Hồ Hoàng	Huy	12A11	A7	120233	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
436	Dương Quốc	Huy	12A11	A7	120242	114	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
437	Lê Thị Khánh	Huyền	12A11	A7	120254	293	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
438	Nguyễn Ngọc	Huyền	12A11	A7	120255	388	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
439	Võ Ngọc	Khánh	12A11	A9	120312	114	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
440	Đinh Xuân	Khánh	12A11	A9	120320	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
441	Lý Hoàng	Long	12A11	A11	120383	424	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
442	Đỗ Văn	Minh	12A11	A11	120397	388	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
443	Nguyễn Thị Thảo	My	12A11	A11	120405	293	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
444	Lê Thị Tuyết	Ngân	12A11	A11	120424	114	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
445	Phạm Võ Thanh	Ngân	12A11	A12	120426	388	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
446	Nguyễn Phan Ánh	Ngọc	12A11	A12	120444	114	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
447	Nguyễn Trịnh Quỳnh	Như	12A11	A14	120522	388	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
448	Lê Hoàng	Phúc	12A11	A15	120549	424	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
449	Nguyễn Thị Xuân	Phuong	12A11	A15	120568	424	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
450	Đào Chí	Quốc	12A11	A16	120583	114	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
451	Lê Phước Minh	Quốc	12A11	A16	120585	293	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
452	Phạm Đình	Thắng	12A11	C2	120697	424	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
453	Nguyễn Duy	Thịnh	12A11	C3	120717	293	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
454	Nguyễn Hà Minh	Thư	12A11	C4	120759	424	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
455	Phạm Nguyễn Anh	Thy	12A11	C4	120773	388	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
456	Huỳnh Lê Bích	Trâm	12A11	C5	120800	293	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
457	Huỳnh Minh	Triết	12A11	C6	120827	293	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
458	Nguyễn Thị Phương	Trinh	12A11	C6	120837	424	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
459	Phan Ngọc Phương	Trinh	12A11	C6	120838	114	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
460	Lê Văn Gia	Tùng	12A11	C1	120656	114	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
461	Võ Thị Ngọc	Tuyết	12A11	C2	120664	424	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
462	Bùi Phương	Uyên	12A11	C7	120869	424	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
463	Vũ Thị Ánh	Vân	12A11	C7	120886	388	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
464	Phạm Nguyễn Trúc	Vy	12A11	C9	120934	388	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
465	Hoàng Gia	Anh	12A12	A1	120014	293	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
466	Lê Bảo	Châu	12A12	A2	120065	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
467	Nguyễn Tấn	Đạt	12A12	A3	120115	388	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
468	Từ Gia	Hân	12A12	A5	120174	388	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
469	Đặng Thị Thu	Hiền	12A12	A6	120196	424	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
470	Mai Đăng Minh	Hiếu	12A12	A6	120206	424	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
471	Phan Lê Gia	Huy	12A12	A7	120230	293	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
472	Trần Quốc	Huy	12A12	A7	120243	293	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
473	Nguyễn Nhật Trí	Khang	12A12	A8	120297	388	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
474	Trần Ngọc Như	Khánh	12A12	A9	120316	114	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
475	Nguyễn Hoàng Gia	Linh	12A12	A10	120368	424	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
476	Nguyễn Diệu	Linh	12A12	A10	120364	293	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
477	Huỳnh Tấn Anh	Mỹ	12A12	A11	120406	114	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
478	Trần Tâm	Ngọc	12A12	A12	120454	114	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
479	Đoàn Đức	Nguyên	12A12	A13	120465	114	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
480	Lê Minh	Nhật	12A12	A13	120490	293	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
481	Vũ Minh	Nhật	12A12	A13	120489	388	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
482	Trần Mẫn	Nhi	12A12	A13	120495	388	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
483	Thái Thị Phi	Nhung	12A12	A14	120514	388	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
484	Nguyễn Huỳnh	Phúc	12A12	A15	120551	293	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
485	Trương Hoàng	Phước	12A12	A15	120556	114	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
486	Nguyễn Bảo	Song	12A12	A16	120611	388	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
487	Phạm Thanh	Thảo	12A12	C2	120691	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
488	Lê Gia	Thịnh	12A12	C3	120719	114	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
489	Nguyễn Ngọc	Thịnh	12A12	C3	120724	424	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
490	Đào Thị Anh	Thư	12A12	C4	120749	293	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
491	Nguyễn Minh	Thư	12A12	C4	120760	293	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
492	Trần Nguyễn Bảo	Thư	12A12	C4	120754	424	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
493	Nguyễn Thị Minh	Thùy	12A12	C4	120739	388	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
494	Nguyễn Bảo	Toàn	12A12	C1	120642	388	9.50	40	38.00	2.00	0.00	0.00
495	Nguyễn Hữu	Toàn	12A12	C1	120644	114	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
496	Trần Lê Phương	Trâm	12A12	C5	120810	114	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
497	Phạm Hoàng Bảo	Trân	12A12	C5	120814	293	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
498	Lê Ngọc	Trân	12A12	C6	120820	388	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
499	Trần Thị Thùy	Trang	12A12	C5	120792	293	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
500	Nguyễn Đức	Trưởng	12A12	C7	120858	388	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
501	Phạm Xuân	Trưởng	12A12	C7	120862	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
502	Lê Ngọc Thanh	Vân	12A12	C7	120889	114	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
503	Nguyễn Tường Bảo	Vui	12A12	C8	120904	424	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
504	Đoàn Hoài Như	Ý	12A12	C9	120943	293	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
505	Võ Đình Hải	An	12A13	A1	120003	388	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
506	Nguyễn Lê Phi	Bảo	12A13	A2	120052	424	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
507	Lê Nguyên	Chương	12A13	A2	120072	114	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
508	Vũ Huỳnh Thiên	Đan	12A13	A3	120108	424	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
509	Nguyễn Trần Gia	Điền	12A13	A4	120128	388	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
510	Mai Thắm Thùy	Duyên	12A13	A3	120099	293	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
511	Đỗ Hồng	Hà	12A13	A4	120140	114	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
512	Trần Ninh	Hải	12A13	A4	120151	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
513	Nguyễn Lê Bảo	Hân	12A13	A5	120170	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
514	Đoàn Trần Mỹ	Hạnh	12A13	A5	120158	388	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
515	Lê Tuấn	Hào	12A13	A5	120165	388	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
516	Tactay Hoàng	John	12A13	A7	120270	424	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
517	Đỗ Gia	Khang	12A13	A8	120288	424	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
518	Châu Đăng	Khôi	12A13	A10	120340	114	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
519	Lê Nhật Anh	Khôi	12A13	A9	120338	424	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
520	Nguyễn Thị Hòa	Lam	12A13	A10	120351	424	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
521	Lê Minh	Lộc	12A13	A11	120385	293	4.50	40	18.00	21.00	0.00	1.00
522	Lê Huỳnh Bảo	Minh	12A13	A11	120391	388	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
523	Phạm Trúc	Ngân	12A13	A12	120431	424	2.25	40	9.00	31.00	0.00	0.00
524	Lương Thị Thanh	Ngân	12A13	A12	120427	293	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
525	Lê Võ Phương	Nghi	12A13	A12	120438	424	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
526	Ngô Quỳnh Như	Ngọc	12A13	A12	120453	293	5.50	40	22.00	18.00	1.00	0.00
527	Nguyễn Thanh	Ngọc	12A13	A13	120459	424	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
528	Nguyễn Lê Vĩnh	Nguyên	12A13	A13	120479	114	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
529	Huỳnh Gia	Nguyên	12A13	A13	120466	424	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
530	Phan Thành	Nhân	12A13	A13	120488	424	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
531	Nguyễn Phan Bảo	Như	12A13	A14	120517	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
532	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	12A13	A14	120518	293	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
533	Phạm Hữu	Phước	12A13	A15	120557	293	7.25	40	29.00	11.00	1.00	0.00
534	Huỳnh Thị Kim	Phương	12A13	A15	120559	424	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
535	Nguyễn Võ Hàn	Thuyền	12A13	C4	120747	114	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
536	Châu Bảo	Trân	12A13	C5	120815	388	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
537	Nguyễn Phạm Hồng	Trang	12A13	C5	120784	114	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
538	Phan Minh	Trúc	12A13	C6	120847	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
539	Trương Phan Vy	Trúc	12A13	C7	120851	424	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
540	Nguyễn Lê Phương	Uyên	12A13	C7	120870	388	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
541	Nguyễn Võ Phương	Uyên	12A13	C7	120871	293	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
542	Nguyễn Thanh Tú	Uyên	12A13	C7	120879	424	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
543	Nguyễn Thị Tường	Vi	12A13	C8	120892	388	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
544	Đỗ Trần	Vinh	12A13	C8	120897	293	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
545	Trần Dương Thảo	Vy	12A13	C8	120929	114	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
546	Lê Minh	Chức	12A14	A2	120071	424	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
547	Võ Anh	Đạt	12A14	A3	120109	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
548	Đoàn Đình	Duy	12A14	A3	120091	293	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
549	Phạm Hồng	Hải	12A14	A4	120150	388	3.50	40	14.00	26.00	0.00	0.00
550	Bùi Gia	Hân	12A14	A5	120175	424	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
551	Nguyễn Thị Bích	Hằng	12A14	A5	120166	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
552	Nguyễn Phan Đình	Hào	12A14	A5	120161	424	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
553	Trần Minh	Hùng	12A14	A6	120226	388	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
554	Nguyễn Thị Thanh	Hương	12A14	A7	120268	388	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
555	Trần Thanh	Huy	12A14	A7	120245	388	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
556	Mai Chí	Khang	12A14	A8	120284	388	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
557	Trần Thị Diệu	Linh	12A14	A10	120365	388	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
558	Hoàng Văn	Minh	12A14	A11	120398	293	4.00	40	16.00	23.00	0.00	1.00
559	Trương Mỹ	Ngọc	12A14	A12	120452	388	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
560	Trần Lê Bảo	Ngọc	12A14	A12	120445	424	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
561	Nguyễn Sĩ	Nguyên	12A14	A13	120470	388	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
562	Trần Ngọc Minh	Nguyệt	12A14	A13	120481	424	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
563	Thái Thị Thanh	Nhàn	12A14	A13	120485	388	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
564	Huỳnh Ngô Nữ	Nhi	12A14	A13	120496	293	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
565	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	12A14	A14	120499	424	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
566	Châu Thân Quỳnh	Như	12A14	A14	120523	293	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
567	Nguyễn Thị Minh	Phương	12A14	A15	120562	114	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
568	Nguyễn Minh	Quang	12A14	A15	120569	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
569	Nguyễn Ngọc Khánh	Quỳnh	12A14	A16	120595	424	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
570	Hoàng Ngọc	Tân	12A14	C1	120623	388	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
571	Nguyễn Hoàng Quốc	Thái	12A14	C2	120671	293	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
572	Nguyễn Thanh	Thanh	12A14	C2	120675	114	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
573	Bùi Nguyễn Minh	Thư	12A14	C4	120761	424	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
574	Đỗ Thị Anh	Thy	12A14	C4	120774	114	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
575	Trần Duy	Toàn	12A14	C1	120643	293	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
576	Phan Ngọc	Trâm	12A14	C5	120807	293	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
577	Trần Thị Yên	Trang	12A14	C5	120798	114	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
578	Nguyễn Hoàng Tố	Trinh	12A14	C6	120839	293	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
579	Biện Hồ	Trọng	12A14	C6	120843	388	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
580	Huỳnh Công	Tuấn	12A14	C1	120652	388	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
581	Tăng Tiếp	Tuyển	12A14	C2	120662	293	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
582	Lương Huỳnh Tú	Uyên	12A14	C7	120880	388	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
583	Trịnh Thị Thảo	Vy	12A14	C8	120930	293	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
584	Võ Thị Tường	Vy	12A14	C8	120926	114	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
585	Lê Thị Yên	Vy	12A14	C9	120935	424	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
586	Diệp Như	Ý	12A14	C9	120944	388	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
587	Lê Thị Hồng	Yến	12A14	C9	120951	114	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
588	Trần Thị Thu	Yến	12A14	C9	120954	293	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
589	Dương Nguyệt	Anh	12C 1	C10	120026	437	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
590	Nguyễn Diệu	Anh	12C 1	C10	120013	437	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
591	Ngô Thị Ngọc	Anh	12C 1	C10	120025	138	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
592	Phan Trọng	Bằng	12C 1	C10	120056	368	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
593	Lưu Gia	Bảo	12C 1	C10	120049	138	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
594	Đặng Nguyễn Như	Bình	12C 1	C11	120061	437	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
595	Phạm Lưu Yến	Chi	12C 1	C11	120069	275	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
596	Nguyễn Hải	Đặng	12C 1	C11	120123	368	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
597	Nguyễn Văn	Dũng	12C 1	C11	120089	437	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
598	Trần Thị Bảo	Hân	12C 1	C12	120171	275	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
599	Phạm Thị Như	Hảo	12C 1	C12	120164	368	6.75	40	27.00	12.00	0.00	1.00
600	Đinh Xuân	Hậu	12C 1	C13	120194	437	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
601	Bùi Mai Thu	Hiền	12C 1	C13	120198	138	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
602	Mai Thu	Hiền	12C 1	C13	120197	275	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
603	Lâm Thái	Hòa	12C 1	C13	120216	138	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
604	Trần Lê Hương	Huyền	12C 1	C13	120253	138	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
605	Trần Minh	Khang	12C 1	C14	120291	138	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
606	Nguyễn Nguyên	Khôi	12C 1	C15	120343	138	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
607	Phạm Thúy	Kiều	12C 1	C14	120276	138	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
608	Trần Quỳnh Gia	Lạc	12C 1	C15	120349	368	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
609	Nguyễn Phạm Minh	Lâm	12C 1	C15	120356	368	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
610	Lê Trần Diễm	My	12C 1	C16	120400	275	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
611	Vũ Khánh Hồng	Ngọc	12C 1	C17	120449	368	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
612	Lê Minh	Nguyệt	12C 1	C17	120482	437	5.50	40	22.00	17.00	0.00	1.00
613	Phan Ngọc Thiên	Phú	12C 1	C18	120541	275	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
614	Lê Hà Đỗ	Quyên	12C 1	C19	120586	437	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
615	Hồ Trọng Thanh	Thảo	12C 1	C20	120692	437	8.00	40	32.00	7.00	0.00	1.00
616	Nguyễn Hoàng Mai	Thi	12C 1	C21	120704	368	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
617	Lê Hoàng Anh	Thư	12C 1	C21	120750	437	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
618	Trần Thị Minh	Thư	12C 1	C22	120762	368	6.50	40	26.00	13.00	0.00	1.00
619	Trần Thanh	Thư	12C 1	C22	120768	437	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
620	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm	12C 1	C22	120799	368	5.25	40	21.00	18.00	0.00	1.00
621	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12C 1	C22	120785	138	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
622	Nguyễn Ngọc Khánh	Triều	12C 1	C23	120829	275	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
623	Trần Lê Kim	Trúc	12C 1	C23	120845	138	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
624	Nguyễn Thanh	Tú	12C 1	C20	120650	437	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
625	Nguyễn Hồ Trọng	Tường	12C 1	C20	120668	275	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
626	Đinh Thị Ngọc	Tường	12C 1	C20	120667	368	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
627	Võ Ngọc Phương	Uyên	12C 1	C23	120872	437	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
628	Đinh Thị Phương	Uyên	12C 1	C23	120873	138	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
629	Nguyễn Thành	Vinh	12C 1	C24	120896	138	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
630	Phạm Kim	Yến	12C 1	B1	120952	437	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
631	Trần Vũ Thùy	An	12C 2	C10	120010	437	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
632	Nguyễn Hồng Bảo	Anh	12C 2	C10	120011	368	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
633	Ngô Gia Minh	Châu	12C 2	C11	120067	368	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
634	Phan Thị Thanh	Dung	12C 2	C11	120086	275	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
635	Huỳnh Đỗ Khả	Hân	12C 2	C12	120181	437	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
636	Trần Gia	Hân	12C 2	C12	120176	138	5.50	40	22.00	17.00	0.00	1.00
637	Nguyễn Anh	Hào	12C 2	C12	120159	138	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
638	Võ Thúy	Hiền	12C 2	C13	120200	368	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
639	Huỳnh Thị Thu	Hiền	12C 2	C13	120199	437	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
640	Lê Nguyễn Thế	Hiền	12C 2	C13	120201	275	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
641	Vũ Đức	Khải	12C 2	C14	120282	368	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
642	Nguyễn Đình	Khang	12C 2	C14	120286	275	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
643	Trần Vĩnh	Khang	12C 2	C14	120299	138	3.25	40	13.00	26.00	0.00	1.00
644	Nguyễn Huy	Khánh	12C 2	C14	120307	138	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
645	Lê Minh	Khiêm	12C 2	C15	120321	138	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
646	Trương Đăng	Khoa	12C 2	C15	120328	275	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
647	Phạm Lục Nguyễn	Khôi	12C 2	C15	120344	275	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
648	Nhan Bội Khả	Lam	12C 2	C15	120352	437	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
649	Nguyễn Thị Hồng	Mỹ	12C 2	C16	120408	368	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
650	Trương Hoàng Ái	Na	12C 2	C16	120409	275	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
651	Cao Thị Mỹ	Ngân	12C 2	C16	120422	437	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
652	Phạm Quỳnh Yến	Ngân	12C 2	C16	120433	138	4.00	40	16.00	23.00	0.00	1.00
653	La Phúc	Nghi	12C 2	C16	120435	437	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
654	Trần Bích	Ngọc	12C 2	C17	120448	437	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
655	Phạm Thảo	Nguyên	12C 2	C17	120475	437	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
656	Lê Yến	Nhi	12C 2	C17	120509	437	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
657	Đỗ Quỳnh	Như	12C 2	C18	120524	138	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
658	Phan Minh	Quân	12C 2	C18	120578	138	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
659	Nguyễn Anh	Quân	12C 2	C18	120573	437	3.00	40	12.00	28.00	0.00	0.00
660	Lê Thị	Quyên	12C 2	C19	120589	275	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
661	Nguyễn Anh	Tài	12C 2	C19	120616	138	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
662	Nguyễn Thị Ngọc	Thiên	12C 2	C21	120708	138	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
663	Huỳnh Hoàng	Thiên	12C 2	C21	120706	437	3.25	40	13.00	27.00	0.00	0.00
664	Nguyễn Thanh Gia	Thịnh	12C 2	C21	120720	368	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
665	Nguyễn Cát	Tiên	12C 2	C19	120626	368	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
666	Trần Mai Cát	Tiên	12C 2	C19	120625	275	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
667	Võ Thị Huyền	Trân	12C 2	C23	120819	138	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
668	Nguyễn Khánh	Tuyền	12C 2	C20	120660	368	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
669	Võ Ngọc Phương	Uyên	12C 2	C23	120874	275	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
670	Bùi Nguyễn Thái	Vân	12C 2	C23	120888	437	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
671	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	12C 2	C24	120927	368	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
672	Trần Gia Như	Ý	12C 2	C24	120945	368	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
673	Đồng Thụy Hoài	An	12C 3	C10	120005	275	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
674	Nguyễn Phan Bảo	An	12C 3	C10	120002	368	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
675	Trần Quỳnh Hoàng	Anh	12C 3	C10	120016	138	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
676	Nguyễn Vân	Dung	12C 3	C11	120087	138	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
677	Trần Thị Ái	Dung	12C 3	C11	120083	138	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
678	Lê Thị Ngọc	Giàu	12C 3	C12	120139	275	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
679	Nguyễn Lưu Tuyết	Hân	12C 3	C12	120187	138	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
680	Nguyễn Anh	Hào	12C 3	C12	120160	437	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
681	Nguyễn	Hậu	12C 3	C12	120191	275	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
682	Trần Thị Thanh	Hiên	12C 3	C13	120195	368	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
683	Đặng Thị Bích	Hoa	12C 3	C13	120212	368	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
684	Nguyễn Gia	Huy	12C 3	C13	120231	437	3.25	40	13.00	27.00	0.00	0.00
685	Phan Nguyễn Gia	Huy	12C 3	C13	120232	368	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
686	Lê Duy	Khanh	12C 3	C14	120301	437	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
687	Trần Minh	Khánh	12C 3	C14	120311	275	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
688	Huỳnh Hữu	Khánh	12C 3	C14	120308	437	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
689	Nguyễn Vân	Khánh	12C 3	C14	120319	138	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
690	Lê Tuấn	Kiệt	12C 3	C14	120274	275	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
691	Trần Đức	Minh	12C 3	C16	120392	275	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
692	Trần Việt Kim	Ngân	12C 3	C16	120419	437	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
693	Dương Thúy	Nghi	12C 3	C16	120439	138	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
694	Hồ Đắc Thảo	Nguyên	12C 3	C17	120476	368	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
695	Huỳnh Gia	Nguyễn	12C 3	C17	120480	138	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
696	Trần Thanh	Nhật	12C 3	C17	120491	138	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
697	Trần Ngọc Yến	Nhi	12C 3	C17	120510	368	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
698	Trần Thị Quỳnh	Như	12C 3	C18	120525	437	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
699	Nguyễn Thanh Gia	Phúc	12C 3	C18	120545	437	3.50	40	14.00	26.00	0.00	0.00
700	Nguyễn Thị Kim	Quyên	12C 3	C19	120588	138	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
701	Ngô Minh	Sang	12C 3	C19	120606	275	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
702	Đào Thị Thanh	Thảo	12C 3	C20	120693	138	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
703	Nguyễn Hoàng	Thu	12C 3	C21	120732	437	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
704	Thái Anh	Thư	12C 3	C21	120751	138	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
705	Lê Thị Kim	Thương	12C 3	C22	120771	275	3.50	40	14.00	26.00	0.00	0.00
706	Nguyễn Ngọc Kiều	Tiên	12C 3	C19	120628	138	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
707	Trần Ngọc Thủy	Tiên	12C 3	C19	120632	368	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
708	Lê Thị Kim	Trúc	12C 3	C23	120846	275	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
709	Nguyễn Nhật	Trường	12C 3	C23	120860	138	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
710	Lê Thảo	Uyên	12C 3	C23	120883	275	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
711	Huỳnh Phú	Vinh	12C 3	C24	120895	138	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
712	Nguyễn Hoàng Bảo	Vy	12C 3	C24	120908	368	3.50	40	14.00	26.00	0.00	0.00
713	Nguyễn Thị Như	Ý	12C 3	C24	120946	437	5.75	40	23.00	16.00	0.00	1.00
714	Nguyễn Lê Phúc	An	12C 4	C10	120008	138	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
715	Trương Lê Chiêu	Anh	12C 4	C10	120012	275	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
716	Nguyễn Lâm Hải	Đăng	12C 4	C11	120124	275	2.25	40	9.00	31.00	0.00	0.00
717	Bùi Thị Phương	Dung	12C 4	C11	120085	368	7.75	40	31.00	8.00	0.00	1.00
718	Nguyễn Kỳ	Duyên	12C 4	C11	120096	138	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
719	Lê Thị Uyên	Hà	12C 4	C12	120149	275	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
720	Nguyễn Thị Kim	Hòa	12C 4	C13	120215	275	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
721	Đặng Gia	Hưng	12C 4	C14	120258	368	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
722	Lê Thanh	Huy	12C 4	C13	120246	275	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
723	Nguyễn Nhật	Khang	12C 4	C14	120294	368	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
724	Hồ Nguyễn Kim	Khánh	12C 4	C14	120309	368	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
725	Nguyễn Trương Anh	Khôi	12C 4	C15	120339	368	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
726	Nguyễn Ngọc Thanh	Lâm	12C 4	C15	120358	437	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
727	Đặng Trần Thùy	Linh	12C 4	C15	120378	138	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
728	Hoàng Ngọc Khánh	Linh	12C 4	C15	120374	368	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
729	Nguyễn Minh	Luân	12C 4	C15	120386	368	5.25	40	21.00	17.00	0.00	2.00
730	Nguyễn Lê Ngọc	Minh	12C 4	C16	120393	368	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
731	Nguyễn Trần Thanh	Ngà	12C 4	C16	120414	368	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
732	Nguyễn Thùy Hạnh	Nguyên	12C 4	C17	120468	275	3.25	40	13.00	27.00	0.00	0.00
733	Phạm Ngọc Ý	Nhi	12C 4	C17	120505	138	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
734	Nguyễn Ngọc Đông	Nhi	12C 4	C17	120492	437	3.25	40	13.00	27.00	0.00	0.00
735	Nguyễn Ngọc Minh	Phú	12C 4	C18	120538	437	2.75	40	11.00	29.00	0.00	0.00
736	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	12C 4	C19	120591	368	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
737	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Thành	12C 4	C20	120678	437	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
738	Lâm Thanh	Thảo	12C 4	C21	120694	138	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
739	Lê Hoàng Anh	Thi	12C 4	C21	120700	368	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
740	Lê Nhật Anh	Thư	12C 4	C21	120752	275	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
741	Đinh Huỳnh Nguyên	Thuận	12C 4	C21	120737	275	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
742	Nguyễn Lâm Ngọc	Thuận	12C 4	C21	120736	138	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
743	Huỳnh Lê Thanh	Thy	12C 4	C22	120778	437	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
744	Trần Thùy	Tiên	12C 4	C19	120633	437	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
745	Trần Thị Thùy	Trang	12C 4	C22	120793	368	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
746	Nguyễn Lê Thị Uyên	Trang	12C 4	C22	120796	437	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
747	Nguyễn Anh	Trực	12C 4	C23	120857	437	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
748	Nguyễn Thành	Trung	12C 4	C23	120856	368	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
749	Hồ Nguyễn Bảo	Vy	12C 4	C24	120909	437	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
750	Nguyễn Lê Hiếu	Vy	12C 4	C24	120916	138	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
751	Dương Ngọc Như	Ý	12C 4	B1	120947	138	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
752	Lê Ngọc Lan	Anh	12C 5	C10	120022	368	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
753	Lê Thị Kim	Ánh	12C 5	C10	120041	275	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
754	Trần Thụy Thuỳ	Dương	12C 5	C11	120104	275	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
755	Ngô Ngân	Hà	12C 5	C12	120145	368	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
756	Lê Vân Khánh	Hà	12C 5	C12	120143	138	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
757	Long Gia	Hân	12C 5	C12	120177	437	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
758	Trần Ngọc Gia	Hân	12C 5	C12	120178	368	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
759	Lê Trọng	Hiếu	12C 5	C13	120208	437	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
760	Dương Tấn	Huy	12C 5	C13	120244	368	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
761	Nguyễn Nhật	Khang	12C 5	C14	120295	275	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
762	Lương Thị Huyền	Linh	12C 5	C15	120370	275	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
763	Lê Trang Hồng	Lĩnh	12C 5	C15	120379	275	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
764	Huỳnh Triệu Phi	Ngân	12C 5	C16	120423	138	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
765	Nguyễn Trang	Nghiêm	12C 5	C16	120443	138	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
766	Trịnh Thanh	Ngọc	12C 5	C17	120461	138	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
767	Lê Thanh	Ngọc	12C 5	C17	120460	275	3.00	40	12.00	28.00	0.00	0.00
768	Phạm Bình Khánh	Nguyên	12C 5	C17	120469	138	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
769	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	12C 5	C17	120477	275	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
770	Lê Đình Uyển	Nhi	12C 5	C17	120502	368	3.50	40	14.00	26.00	0.00	0.00
771	Phan Thị Ánh	Nhung	12C 5	C18	120513	368	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
772	Nguyễn Ngọc Trang	Nhung	12C 5	C18	120515	437	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
773	Nguyễn Tấn	Phát	12C 5	C18	120532	275	3.00	40	12.00	28.00	0.00	0.00
774	Trần Duy	Phát	12C 5	C18	120531	368	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
775	Nguyễn Minh	Phương	12C 5	C18	120563	368	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
776	Phạm Minh	Quân	12C 5	C19	120579	138	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
777	Phan Xuân	Quỳnh	12C 5	C19	120604	138	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
778	Trần Nguyễn Trúc	Quỳnh	12C 5	C19	120602	437	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
779	Nguyễn Như	Thanh	12C 5	C20	120674	275	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
780	Nguyễn Trần Phương	Thảo	12C 5	C20	120687	138	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
781	Nguyễn Hoàng Bảo	Thư	12C 5	C21	120755	437	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
782	Lê Huyền	Thư	12C 5	C22	120756	437	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
783	Đỗ Nguyễn Việt	Tiến	12C 5	C20	120637	437	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
784	Trần Đan	Tin	12C 5	C20	120638	138	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
785	Huỳnh Thị Ngọc	Trình	12C 5	C23	120835	437	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
786	Trần Nguyễn Tuyết	Trình	12C 5	C23	120840	275	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
787	Phạm Nguyễn Anh	Tú	12C 5	C20	120647	138	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
788	Nguyễn Phương	Uyên	12C 5	C23	120875	368	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
789	Lê Ngọc	Vũ	12C 5	C24	120900	275	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
790	Võ Ngọc Khánh	Vy	12C 5	C24	120918	138	3.00	40	12.00	28.00	0.00	0.00
791	Nguyễn Hồ Yến	Vy	12C 5	C24	120936	138	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
792	Mai Lê Lan	Anh	12C 6	C10	120023	275	2.75	40	11.00	29.00	0.00	0.00
793	Nguyễn Minh Hải	Đặng	12C 6	C11	120125	138	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
794	Lê Ngọc Xuân	Duyên	12C 6	C11	120102	368	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
795	Trương Thị	Hân	12C 6	C12	120188	437	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
796	Cao Gia	Hưng	12C 6	C14	120259	275	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
797	Trần Lê Nhật	Huy	12C 6	C13	120240	437	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
798	Đinh Xuân	Huyền	12C 6	C13	120252	275	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
799	Hoàng Quốc	Khanh	12C 6	C14	120303	368	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
800	Phạm Đăng	Khôi	12C 6	C15	120341	437	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
801	Nguyễn Thu Nhật	Lam	12C 6	C15	120353	138	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
802	Trần Tự Huệ	Linh	12C 6	C15	120369	138	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
803	Ngô Thị Ngọc	Mai	12C 6	C15	120388	437	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
804	Phạm Hồng	Ngân	12C 6	C16	120418	275	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
805	Nguyễn Thanh	Nhã	12C 6	C17	120484	275	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
806	Nguyễn Mai Xuân	Nhiên	12C 6	C17	120512	138	2.75	40	11.00	18.00	0.00	11.00
807	Nguyễn Hoàng Khánh	Như	12C 6	C18	120519	275	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
808	Nguyễn Anh	Quân	12C 6	C18	120574	368	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
809	Phạm Phú	Quang	12C 6	C18	120570	138	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
810	Trần Thị Diễm	Quỳnh	12C 6	C19	120594	437	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
811	Võ Huỳnh Duy	Thái	12C 6	C20	120670	368	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
812	Trần Văn	Thắng	12C 6	C21	120698	275	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
813	Phạm Hồng	Thi	12C 6	C21	120703	275	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
814	Nguyễn Hồ Quốc	Thịnh	12C 6	C21	120727	368	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
815	Trương Tổ	Thư	12C 6	C22	120764	138	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
816	Nguyễn Thị Minh	Thư	12C 6	C22	120763	275	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
817	Trần Ngọc Ka	Thy	12C 6	C22	120776	138	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
818	Đặng Quang	Tính	12C 6	C20	120641	437	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
819	Nguyễn Trần Quỳnh	Trâm	12C 6	C22	120811	275	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
820	Trương Thị Ngọc	Trâm	12C 6	C22	120808	437	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
821	Hoàng Huyền	Trang	12C 6	C22	120786	437	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
822	Bùi Lê Nhật	Trinh	12C 6	C23	120836	138	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
823	Lê Quang	Trình	12C 6	C23	120842	437	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
824	Huỳnh Gia	Tuấn	12C 6	C20	120653	368	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
825	Trương Khánh	Tuyên	12C 6	C20	120658	368	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
826	Lê Thị Bích	Tuyền	12C 6	C20	120659	275	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
827	Lục Nguyễn Khánh	Vy	12C 6	C24	120919	275	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
828	Trần Lê	Vy	12C 6	C24	120923	437	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
829	Lê Gia	Vy	12C 6	C24	120912	368	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
830	Huỳnh Thị Kim	Yến	12C 6	B1	120953	138	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
831	Đặng Hoàng Hải	Yến	12C 6	B1	120950	368	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
832	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	12C 7	C10	120034	138	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
833	Lê Ngọc Quỳnh	Anh	12C 7	C10	120033	275	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
834	Phạm Vũ	Đăng	12C 7	C12	120127	437	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
835	Trương Thị Cẩm	Duyên	12C 7	C11	120095	275	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
836	Nguyễn Minh	Hân	12C 7	C12	120182	368	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
837	Quách Ngọc	Hân	12C 7	C12	120185	275	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
838	Bùi Hoàng Vi	Hân	12C 7	C12	120189	368	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
839	Phạm Thanh	Hương	12C 7	C14	120269	368	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
840	Trần Minh	Huy	12C 7	C13	120237	138	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
841	Trương Ngọc Bảo	Huyền	12C 7	C13	120250	437	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
842	Lý Gia	Khánh	12C 7	C14	120306	275	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
843	Nguyễn Hoàng	Kim	12C 7	C14	120279	437	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
844	Lê Hoài Trúc	Lâm	12C 7	C15	120359	138	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
845	Lê Võ Thanh	Ngân	12C 7	C16	120428	437	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
846	Trần Thị Hoài	Ngân	12C 7	C16	120417	368	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
847	Hà Ngọc	Nhã	12C 7	C17	120483	368	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
848	Tôn Nữ Nhật	Nhiên	12C 7	C17	120511	275	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
849	Nguyễn Hùng	Phong	12C 7	C18	120534	138	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
850	Nguyễn Huỳnh Hữu	Phúc	12C 7	C18	120552	368	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
851	Chung Khả Phương	Phương	12C 7	C18	120565	275	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
852	Trương Lam	Phương	12C 7	C18	120561	437	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
853	Đinh Lê Hoàng	Quốc	12C 7	C19	120584	368	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
854	Nguyễn Mai Nhật	Quỳnh	12C 7	C19	120597	275	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
855	Bùi Thị Ngọc	Sen	12C 7	C19	120610	368	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
856	Nguyễn Bích	Thảo	12C 7	C20	120682	437	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
857	Phạm Ngọc Anh	Thị	12C 7	C21	120701	437	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
858	Phan Nguyễn Ngọc	Thịnh	12C 7	C21	120725	138	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
859	Trần Võ Như	Thịnh	12C 7	C21	120726	275	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
860	Trần Gia Anh	Thư	12C 7	C21	120753	368	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
861	Trần Thị Thanh	Thủy	12C 7	C21	120745	368	3.00	40	12.00	28.00	0.00	0.00
862	Đoàn Công	Tiến	12C 7	C20	120634	138	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
863	Phạm Thị Mỹ	Trâm	12C 7	C22	120805	138	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
864	Nguyễn Ngọc	Trâm	12C 7	C22	120809	368	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
865	Nguyễn Lê Thùy	Trang	12C 7	C22	120794	275	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
866	Bùi Thanh	Tuấn	12C 7	C20	120655	275	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
867	Trần Gia Cát	Tường	12C 7	C20	120665	368	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
868	Trần Ngọc Linh	Uyên	12C 7	C23	120866	368	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
869	Lê Quỳnh	Uyên	12C 7	C23	120877	138	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
870	Nguyễn Hoàng Li	Va	12C 7	C23	120884	368	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
871	Lê Hà	Vy	12C 7	C24	120914	275	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
872	Võ Nguyễn Tường	Vy	12C 7	C24	120928	275	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
873	Nguyễn Cao Phương	Anh	12C 8	C10	120031	368	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
874	Nguyễn Vũ Trâm	Anh	12C 8	C10	120038	368	5.25	40	21.00	18.00	0.00	1.00
875	Lê Hoàng Quốc	Bảo	12C 8	C10	120055	437	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
876	Phạm Hoàng Linh	Đan	12C 8	C11	120106	138	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
877	Nguyễn Bảo	Đăng	12C 8	C11	120118	437	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
878	Châu Thái Ngọc	Diệp	12C 8	C11	120078	437	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
879	Trịnh Thị Huyền	Diệu	12C 8	C11	120080	368	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
880	Trần Trường	Duy	12C 8	C11	120093	368	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
881	Lê Thị Thảo	Duyên	12C 8	C11	120098	437	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
882	Huỳnh Kim	Hân	12C 8	C12	120180	138	3.50	40	14.00	26.00	0.00	0.00
883	Phạm Thị	Hậu	12C 8	C12	120193	138	3.25	40	13.00	27.00	0.00	0.00
884	Lương Thanh	Huy	12C 8	C13	120247	138	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
885	Nguyễn Đỗ Hạ	Huyền	12C 8	C13	120251	368	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
886	Hoàng	Huỳnh	12C 8	C14	120256	437	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
887	Phan Trần Nguyên	Khang	12C 8	C14	120293	437	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
888	Nguyễn Ngọc Thanh	Lam	12C 8	C15	120355	275	3.25	40	13.00	27.00	0.00	0.00
889	Phan Duy	Linh	12C 8	C15	120366	368	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
890	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Mai	12C 8	C16	120389	368	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
891	Nguyễn Trần Thanh	Ngân	12C 8	C16	120429	138	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
892	Trần Nguyên	Nghĩa	12C 8	C16	120441	437	2.25	40	9.00	31.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
893	Phan Công	Nguyên	12C 8	C17	120464	437	5.75	40	23.00	15.00	0.00	2.00
894	Trần Uyển	Nhi	12C 8	C17	120503	275	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
895	Nguyễn Phong	Phú	12C 8	C18	120539	368	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
896	Nguyễn Nhất Nam	Phương	12C 8	C18	120564	275	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
897	Đỗ Khánh	Phương	12C 8	C18	120560	138	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
898	Lê Bảo	Quốc	12C 8	C19	120582	275	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
899	Phạm Như	Quỳnh	12C 8	C19	120600	368	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
900	Bùi Tấn	Thành	12C 8	C20	120681	138	4.50	40	18.00	21.00	0.00	1.00
901	Lê Huỳnh Anh	Thi	12C 8	C21	120702	138	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
902	Lê Đăng	Thịnh	12C 8	C21	120718	275	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
903	Nguyễn Quảng Thanh	Thư	12C 8	C22	120769	368	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
904	Nguyễn Võ Thiện	Thy	12C 8	C22	120779	368	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
905	Đoàn Bích	Trâm	12C 8	C22	120801	275	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
906	Phạm Thị Ánh	Trang	12C 8	C22	120782	275	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
907	Nguyễn Đình Kiều	Trinh	12C 8	C23	120832	368	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
908	Trần Duy	Tường	12C 8	C20	120666	275	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
909	Phạm Thị Nhung	Tuyền	12C 8	C20	120661	275	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
910	Lê Thị Phương	Uyên	12C 8	C23	120876	437	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
911	Lê Khánh	Vy	12C 8	C24	120920	368	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
912	Phạm Thị Trúc	Xanh	12C 8	C24	120938	275	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
913	Huỳnh Thùy Hồng	Anh	12C 9	C10	120017	437	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
914	Nguyễn Quỳnh	Anh	12C 9	C10	120035	437	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
915	Nguyễn Hải	Bình	12C 9	C10	120060	138	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
916	An	Bình	12C 9	C10	120059	275	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
917	Mai Ngọc Khương	Dân	12C 9	C11	120076	138	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
918	Nguyễn Quách Khả	Doanh	12C 9	C11	120081	275	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
919	Đặng Thị Mỹ	Dung	12C 9	C11	120084	437	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
920	Trần Thị Thùy	Giang	12C 9	C12	120136	368	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
921	Đặng Vũ Khánh	Hà	12C 9	C12	120144	437	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
922	Phạm Lê Gia	Hân	12C 9	C12	120179	275	5.00	40	20.00	19.00	0.00	1.00
923	Nguyễn Minh	Hiếu	12C 9	C13	120207	138	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
924	Trần Ngọc	Hưng	12C 9	C14	120261	138	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
925	Bành Tiến	Hưng	12C 9	C14	120264	437	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
926	Nguyễn Khánh	Huy	12C 9	C13	120235	275	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
927	Trần Phương	Linh	12C 9	C15	120375	437	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
928	Nguyễn Phương	My	12C 9	C16	120403	368	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
929	Nguyễn Lê Phương	My	12C 9	C16	120404	275	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
930	Nguyễn Bảo	Ngân	12C 9	C16	120416	275	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
931	Nguyễn Trúc	Ngân	12C 9	C16	120432	437	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
932	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12C 9	C16	120420	138	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
933	Trần Thanh Hà	Nguyên	12C 9	C17	120467	368	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
934	Lê Thiên	Phú	12C 9	C18	120542	138	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
935	Võ Như	Phúc	12C 9	C18	120553	275	3.00	40	12.00	27.00	0.00	1.00
936	Nguyễn Xuân Khánh	Quỳnh	12C 9	C19	120596	138	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
937	Trình Lâm	Son	12C 9	C19	120613	437	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
938	Nguyễn Minh	Thịnh	12C 9	C21	120722	437	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
939	Phan Đan	Tiên	12C 9	C19	120627	437	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
940	Huỳnh Nhật	Tiên	12C 9	C19	120630	275	6.75	40	27.00	12.00	0.00	1.00
941	Nguyễn Thùy	Trâm	12C 9	C22	120812	138	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
942	Nguyễn Thị Thùy	Trang	12C 9	C22	120795	138	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
943	Cao Thùy	Trinh	12C 9	C23	120841	368	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
944	Nguyễn Thị Thái	Trưởng	12C 9	C23	120861	275	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
945	Nguyễn Thùy	Vân	12C 9	C24	120890	437	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
946	Nguyễn Thị Bích	Viên	12C 9	C24	120893	368	5.25	40	21.00	18.00	0.00	1.00
947	Phạm Quốc	Việt	12C 9	C24	120894	275	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
948	Hoàng Diệu	Vy	12C 9	C24	120911	437	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
949	Đặng Thùy Khánh	Vy	12C 9	C24	120921	437	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
950	Đinh Ngọc Thảo	Vy	12C 9	C24	120931	138	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
951	Trần Phạm Như	Ý	12C 9	B1	120948	275	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00

DANH SÁCH HỌC SINH VẮNG					
STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD
1	Lê Thị Thanh	Liên	12C 4	C15	120361
2	Dương Nguyễn Đức	Linh	12C 4	C15	120367

Phan Thiết, ngày 16 tháng 3 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Phạm Triệu